

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----∞ ⊕ ∞-----

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA**

Trụ sở: Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	4
Điều 2. Đối tượng áp dụng	4
Điều 3. Giải thích từ ngữ	4
Điều 4. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của HĐQT	5
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	5
Điều 5. Quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên HĐQT	5
Điều 6. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT	6
Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên của HĐQT	6
Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT	6
Điều 9. Chủ tịch HĐQT	7
Điều 10. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	8
Điều 11. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT	9
Điều 12. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	9
Điều 13. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	10
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 14. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản trị	11
Điều 15. Vai trò và chức năng của Hội đồng quản trị	11
Điều 16. Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT	12
Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	13
Điều 18. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHCĐ bất thường	14
Điều 19. Các Ủy ban của HĐQT	15
Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	15
Điều 20. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT	15
Điều 21. Điều kiện tiến hành và cách thức biểu quyết trong cuộc họp HĐQT	16
Điều 22. Biên bản họp và nghị quyết của HĐQT	17
CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI LỢI ÍCH	18
Điều 23. Trình báo cáo hàng năm	18
Điều 24. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của các thành viên Hội đồng quản trị	19
Điều 25. Công khai các lợi ích liên quan	19
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	20

Điều 26. Mọi quan hệ làm việc với cổ đông	20
Điều 27. Mọi quan hệ giữa các thành viên HĐQT	20
Điều 28. Mọi quan hệ với Tổng giám đốc và Ban điều hành.....	20
Điều 29. Mọi quan hệ với Ủy ban kiểm toán	21
Điều 30. Mọi quan hệ với tổ chức Công đoàn.....	21
Điều 31. Hiệu lực thi hành	21

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ thuộc Hội đồng quản trị và các cá nhân, đơn vị có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Trong quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. Công ty: là Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa.
 - b. Điều lệ: là Điều lệ Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa.
 - c. ĐHĐCĐ: là viết tắt của cụm từ Đại hội đồng cổ đông.
 - d. HĐQT: là viết tắt của cụm từ Hội đồng quản trị.
 - e. TGD: là Tổng giám đốc Công ty.
 - f. Luật Doanh nghiệp: là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
 - g. Luật Chứng khoán: là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
 - h. Người quản lý: là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, TGD.
 - i. Người điều hành: là người điều hành Công ty, bao gồm TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và người điều hành khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ.
 - j. Ban điều hành: là cán bộ nhân viên được HĐQT/ người được ủy quyền của HĐQT phân công và ủy quyền thực thi các hoạt động do HĐQT phê duyệt trong quá trình thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.
 - k. Người có liên quan: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
 - l. ĐVTV: là viết tắt của Đơn vị thành viên. ĐVTV bao gồm các công ty được quy định trong *Quy chế quản lý Đơn vị thành viên*.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Quy chế này.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của HĐQT

Tổ chức và hoạt động của HĐQT phải tuân thủ những nguyên tắc sau:

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của Công ty.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của cổ đông và của Công ty. Đồng thời phải tránh các xung đột về quyền lợi cá nhân mà có thể gây thiệt hại cho Công ty.
3. HĐQT giao trách nhiệm cho thành viên HĐQT, các Ban, Ủy ban, bộ phận/đơn vị thuộc HĐQT, TGD, người quản lý hoặc người điều hành doanh nghiệp khác tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ, các nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT, và các quy định, quy chế nội bộ của Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty
2. Thành viên HĐQT có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các phiên họp HĐQT, trực tiếp thảo luận và tham gia biểu quyết hoặc gửi phiếu ý kiến tham gia biểu quyết (trong trường hợp vắng tại cuộc họp) để quyết định các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ và trước HĐQT về những ý kiến phát biểu của mình;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - f. Nghiên cứu đánh giá tình hình và kết quả hoạt động, đóng góp ý kiến vào việc xây dựng phương hướng nhiệm vụ và kế hoạch kinh doanh hàng năm, quý, tháng.
 - g. Được HĐQT phân công phụ trách một hoặc một số mảng hoạt động của HĐQT, được ủy quyền quyết định và ký một số giấy tờ có liên quan đến các mảng hoạt động phụ trách.

- h. Thực hiện báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thực hiện công bố thông tin về các giao dịch liên quan đến cổ phần của Công ty giữa thành viên đó và những người có liên quan theo quy định của pháp luật.
3. Ngoài các quyền và nhiệm vụ nêu tại khoản 1, 2 Điều này, các thành viên độc lập HĐQT có trách nhiệm phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT.

Điều 6. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT

1. Trên cơ sở tuân thủ các quy định của Điều lệ, Quy chế này, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý, Phó Tổng giám đốc được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty quy định.

Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên của HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng cụ thể thành viên HĐQT trong từng thời kỳ do ĐHĐCĐ quyết định.
2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
4. Số lượng thành viên HĐQT không điều hành tối thiểu bằng một phần hai ($\frac{1}{2}$) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng thành viên độc lập HĐQT được xác định theo quy định tại khoản 4 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập HĐQT được xác định theo quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế này.

Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
 - c. Thành viên HĐQT có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác.
 - d. Không tư vấn, làm việc, đầu tư, góp vốn hoặc là người quản lý hoặc người điều hành tại công ty khác có ngành nghề hoạt động tương tự Công ty;
 - e. Không được làm thành viên hội đồng quản trị, hội đồng thành viên hoặc nắm giữ chức danh quản lý hoặc điều hành tại các công ty khác cũng hoạt động trong ngành nông nghiệp;

- f. Không sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên tại một công ty khác hoạt động trong ngành nông nghiệp;
- g. Thành viên HĐQT và người có liên quan không sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên tại một công ty khác hoạt động trong ngành nông nghiệp;
- h. Người có liên quan của thành viên HĐQT không phải là người quản lý hoặc người điều hành tại công ty khác hoạt động trong ngành nông nghiệp;
- i. Không được đồng thời làm thành viên hội đồng quản trị tại quá 5 công ty khác; và
- j. Không có bất kỳ tranh chấp nào với Công ty, hoặc với Người quản lý hoặc Người điều hành của Công ty, bao gồm tranh chấp hiện hữu hoặc tranh chấp trong 3 năm gần nhất.

Để làm rõ, thuật ngữ “công ty khác” tại điều khoản này không bao gồm công ty con và công ty liên kết của Công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng thêm các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
 - f. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác được quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
3. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 9. Chủ tịch HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.
2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - e. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, các nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT, các quy định, quy chế nội bộ của Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức, bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, không còn tư cách thành viên HĐQT, HĐQT phải bầu người thay thế trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn từ chức của Chủ tịch HĐQT, hoặc ngày Chủ tịch HĐQT bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT hoặc thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc được quy định tại Điều lệ. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.
5. Khi xét thấy cần thiết, HĐQT quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ, HĐQT; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ.

Điều 10. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phó Chủ tịch thường trực HĐQT (nếu có) hoặc các Phó Chủ tịch HĐQT (nếu có) do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT, Phó Chủ tịch thường trực HĐQT hoặc Phó Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ:

1. Tham mưu cho Chủ tịch HĐQT trong việc quản trị Công ty và giúp Chủ tịch HĐQT trong việc điều hành các hoạt động của HĐQT.
2. Được HĐQT phân công phụ trách một hoặc một số mảng hoạt động của HĐQT, được ủy quyền quyết định và ký một số giấy tờ có liên quan đến các mảng hoạt động phụ trách.
3. Thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập và chủ trì các phiên họp HĐQT, điều hành các hoạt động của HĐQT và thực hiện chức năng quản trị Công ty khi Chủ tịch HĐQT vắng mặt, với điều kiện là việc thay thế này đã được Chủ tịch HĐQT ủy quyền bằng văn bản.

4. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật hiện hành, các nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế này.

Điều 11. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
2. Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm khi không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
3. Thành viên HĐQT đương nhiên không còn tư cách thành viên HĐQT khi:
 - a. Kết thúc nhiệm kỳ;
 - b. Chết hoặc bị tòa án tuyên bố đã chết;
 - c. Bị tòa án tuyên bố mất tích;
 - d. Bị tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự;
 - e. Bị tòa án tuyên bố có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; hoặc
 - f. Bị tòa án tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự.
 - g. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật
4. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài các trường hợp tại khoản 1, 2 Điều này.
5. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:
 - a. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên HĐQT bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng thành viên HĐQT được quy định tại khoản 1 Điều 7 của Quy chế này.
 - b. Số lượng thành viên độc lập HĐQT giảm xuống không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại khoản 4 Điều 7 của Quy chế này.
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a, b Khoản này và các trường hợp bầu bổ sung thành viên HĐQT theo Khoản 2 Điều 18 Quy chế này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất.

Điều 12. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Việc ứng cử, đề cử người vào HĐQT được thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông, nhóm cổ đông thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều lệ có quyền đề cử ứng viên HĐQT và phải thông báo về việc đề cử này cho HĐQT chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc ngày gửi lấy ý kiến bằng văn bản đề bầu thành viên HĐQT.
 - b. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ

đồng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên HĐQT nhưng không vượt mức tối đa được quyền đề cử theo Điều lệ. Trường hợp số lượng các ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm phải giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

2. Cách thức bầu thành viên HĐQT.

- a. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên HĐQT, HĐQT sẽ quyết định phương thức biểu quyết bầu thành viên HĐQT phù hợp với các quy định tại Điều lệ.
 - b. Trường hợp biểu quyết bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu thì mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc tổng số cổ phần đại diện nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
 - c. Phương thức bầu dồn phiếu do HĐQT xác lập tại Thẻ lệ bầu cử và trình ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bầu cử.
 - d. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên HĐQT (đảm bảo tỷ lệ tối thiểu thành viên độc lập HĐQT) theo quy định tại Điều lệ. Để đảm bảo đạt số lượng tối thiểu thành viên độc lập HĐQT theo khoản 4 Điều 7 của Quy chế này. Ứng viên trúng cử thành viên HĐQT phải có ít nhất 01 (một) phiếu bầu. Để đảm bảo đạt số lượng tối thiểu thành viên độc lập HĐQT, các ứng viên thành viên độc lập HĐQT sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên độc lập HĐQT). Sau khi chọn đủ số lượng thành viên độc lập HĐQT, việc chọn các thành viên HĐQT còn lại sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp (bao gồm các ứng viên HĐQT không độc lập và độc lập còn lại).
 - e. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí trong Thẻ lệ bầu cử. Trường hợp không có đủ số thành viên HĐQT hoặc thành viên độc lập HĐQT thì ĐHĐCĐ sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng.
3. Việc biểu quyết miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu.

Điều 13. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan

đến các ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.
- b. Trình độ chuyên môn.
- c. Quá trình công tác.
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT, chức danh quản lý khác của công ty khác).
- e. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty.
- f. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên hội đồng quản trị (nếu có); và
- g. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định pháp luật.

Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản trị

Cơ cấu tổ chức hoạt động của HĐQT bao gồm:

1. 01 (một) Chủ tịch HĐQT.
2. 01 (một) Phó Chủ tịch thường trực HĐQT.
3. (Các) Phó Chủ tịch HĐQT (có thể có hoặc không do HĐQT quyết định theo từng thời kỳ).
4. Các thành viên HĐQT.

Điều 15. Vai trò và chức năng của Hội đồng quản trị

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. Chức năng quản trị của HĐQT
 - a. Định hướng, hoạch định mục tiêu và đề ra các giải pháp, chính sách phát triển Công ty, ĐVTV trong trung hạn, dài hạn và trong từng thời kỳ.
 - b. Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt kế hoạch kinh doanh - tài chính hàng năm.
 - c. Chỉ đạo xây dựng và ban hành hệ thống văn bản lập quy từ việc cụ thể hoá pháp luật của Nhà nước nhằm tạo ra hành lang pháp lý phù hợp điều chỉnh mọi hoạt động của Công ty theo thẩm quyền.
 - d. Chỉ đạo, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh của Công ty, ĐVTV trong từng năm tài chính.
 - e. Xây dựng và cải tiến cơ cấu tổ chức - cơ chế hoạt động phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty, ĐVTV qua từng thời kỳ.
 - f. Xây dựng, phát triển và quản lý nguồn cán bộ khung và cán bộ quy hoạch cho các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT, đồng thời chỉ đạo Ban điều hành xây dựng

nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

3. Chức năng quản lý của HĐQT

- a. Thay mặt ĐHĐCĐ quản lý Công ty, giám sát các hoạt động điều hành của TGD và các Người điều hành khác trong việc tuân thủ pháp luật, chấp hành các quy định và tình hình tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- b. Theo dõi quản lý cổ đông - cổ phiếu - cổ phần - tài sản của Công ty, kể cả quá trình chuyển nhượng vốn cổ phần.
- c. Theo dõi quản lý chặt chẽ quá trình sử dụng các Quỹ của Công ty. Quản lý vốn đầu tư của Công ty trong từng thời kỳ. Căn cứ đề nghị của thành viên HĐQT hoặc TGD, HĐQT có thể quyết định các giải pháp điều tiết các khoản vốn này theo hướng an toàn và hiệu quả.
- d. Theo dõi, quản lý và đảm bảo quá trình sử dụng các nguồn vốn để mua sắm, xây dựng, nâng cấp các loại tài sản cố định của Công ty được thực hiện minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ.
- e. Trực tiếp nhận và xử lý các vấn đề được báo cáo bởi người đại diện phần vốn của Công ty tại các ĐVTV.

Điều 16. Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT

1. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 70% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - i. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp; điểm d, khoản 1; điểm h, k khoản 3 Điều 14 điểm b khoản 7 Điều 35; khoản 8 Điều 35, điểm b khoản 9 Điều 35 của Điều lệ.
 - j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác theo đề nghị của Tổng giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người

đó;

- k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
 - l. Quyết định cơ cấu tổ chức, chính sách, quy định, quy chế quản lý nội bộ của công ty, trừ các quy chế thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; quyết định tất cả vấn đề liên quan đến công ty con, công ty liên kết, chi nhánh, văn phòng đại diện, bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở việc thành lập và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
 - m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết;
 - n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ;
 - o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh
 - p. Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q. Quyết định các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hằng năm nhưng không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
 - r. Xem xét và xử lý các sai phạm gây thiệt hại cho cổ đông và Công ty đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm;
 - s. Hủy bỏ hoặc thay đổi các quyết định của TGD nếu các quyết định này gây ra hoặc tiềm ẩn xung đột lợi ích, không vì lợi ích tốt nhất của Công ty, hoặc trái quy định pháp luật, Điều lệ hoặc các quy định, quy chế nội bộ của Công ty;
 - t. Ban hành nghị quyết yêu cầu TGD thực hiện các vấn đề thuộc thẩm quyền của TGD theo chỉ đạo, hướng dẫn của HĐQT; và
 - u. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.
3. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi

trong báo cáo tài chính gần nhất và không là giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- a. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này;
 - b. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Những nội dung quan trọng của hợp đồng, giao dịch nêu tại khoản 1 Điều này cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT và người có liên quan của thành viên HĐQT phải được người đại diện Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch có trách nhiệm báo cáo HĐQT và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT thông qua các hợp đồng, giao dịch này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. HĐQT thông qua các hợp đồng, giao dịch này bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan.

Điều 18. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

1. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Khi số thành viên của HĐQT còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu mà pháp luật quy định;
 - c. Khi số thành viên độc lập HĐQT còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật hoặc ít hơn 2 thành viên, tùy trường hợp nào xảy ra trước;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đầy đủ nội dung theo khoản 4 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, và có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan, trường hợp văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản thì phải tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này; HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên độc lập HĐQT còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, khi đó, HĐQT được quyền lựa chọn thực hiện một trong các hành động quy định tại khoản 3 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
3. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập danh sách các cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội;

- d. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
- e. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội và Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT;
- f. Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

Điều 19. Các Ủy ban của HĐQT

1. HĐQT có thể thành lập các Ủy ban hỗ trợ hoạt động của HĐQT là Ủy ban kiểm toán, Ủy ban phát triển bền vững (ESG), Ủy ban nhân sự và các Ban, Ủy ban khác hoặc đơn vị/bộ phận hỗ trợ hoạt động của HĐQT. Số lượng, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện thành viên của mỗi Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ do HĐQT quyết định.
2. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban, Ủy ban, hoặc đơn vị/bộ phận hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở trách nhiệm của từng Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ, trách nhiệm của thành viên của Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ, cơ cấu tổ chức, cách thức tổ chức họp và biểu quyết, cách thức ra quyết định, thù lao, đánh giá và các vấn đề khác liên quan đến Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ. Hoạt động của Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ phải tuân thủ theo quy định của HĐQT.
3. Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ tổ chức các cuộc họp định kỳ để lập kế hoạch hoạt động, thực hiện các công việc do HĐQT phân công và báo cáo HĐQT vào cuối năm tài chính hoặc khi có yêu cầu. Cuộc họp định kỳ hàng quý của Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ phải diễn ra trước cuộc họp định kỳ hàng quý của HĐQT.

HĐQT có thể đánh giá hiệu quả hoạt động của các thành viên Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ định kỳ hoặc bất kỳ thời điểm nào.

4. HĐQT có thể tham gia cuộc họp Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ

Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
2. HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. HĐQT phải lập kế hoạch họp HĐQT định kỳ hàng năm.
3. Nội dung phiên họp thường kỳ bao gồm:
 - a. Đánh giá tình hình và kết quả hoạt động kỳ trước, thông qua và bàn biện pháp chỉ đạo thực hiện kế hoạch hoạt động kỳ này.
 - b. Thảo luận và quyết định những vấn đề có liên quan đến việc triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển dài hạn của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- c. Thông qua các quy chế, quy định được xây dựng mới hoặc được bổ sung sửa đổi thuộc thẩm quyền quyết định ban hành của HĐQT.
 - d. Thảo luận và quyết định các vấn đề khác có liên quan đến trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT.
4. Các trường hợp triệu tập họp HĐQT bất thường:
- Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT bất thường khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- a. Có đề nghị của thành viên độc lập HĐQT;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;
 - d. Có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty để bàn về báo cáo tài chính kiểm toán;
 - e. Khi HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
- Đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- 5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 Ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.
 - 6. Chủ tịch HĐQT là người chịu trách nhiệm triệu tập các cuộc họp HĐQT, chuẩn bị chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT khác thực hiện trách nhiệm này và chịu trách nhiệm về việc ủy quyền đó.
 - 7. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 02 (hai) Ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
 - 8. Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.
 - 9. HĐQT có quyền lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản, gửi email hoặc trao đổi qua hệ thống thông tin của Công ty theo điều kiện và trình tự do HĐQT ban hành.
 - 10. Ngoài các cuộc họp được quy định tại Điều này, HĐQT có quyền tổ chức các cuộc gặp gỡ, trao đổi về chuyên môn hoặc một số vấn đề của Công ty mà không thuộc trường hợp phải triệu tập, tổ chức và lập biên bản họp theo quy định tại Điều 28 của Điều lệ. Các cuộc gặp gỡ hoặc trao đổi này không được xem là cuộc họp HĐQT chính thức để ban hành nghị quyết hay biểu quyết thông qua bất kỳ vấn đề nào.

Điều 21. Điều kiện tiến hành và cách thức biểu quyết trong cuộc họp HĐQT

- 1. Điều kiện tiến hành cuộc họp HĐQT:
 - a. Các cuộc họp của HĐQT lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có ít nhất $\frac{3}{4}$ (ba phần tư) tổng

số thành viên HĐQT trở lên dự họp.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn $\frac{1}{2}$ (một nửa) số thành viên HĐQT dự họp.

- b. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - i. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - ii. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều 27 Điều lệ;
 - iii. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - iv. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
2. Cách thức biểu quyết và thông qua nghị quyết của HĐQT:
 - a. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác tùy vào điều kiện và vấn đề cụ thể. Trừ quy định tại điểm b Khoản này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó theo quy định pháp luật. Thành viên HĐQT sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại điểm d Khoản này, thành viên có lợi ích liên quan không được biểu quyết, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
 - d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 9 Điều 35 của Điều lệ sẽ được coi là có lợi ích trong hợp đồng đó
 - e. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp và có quyền biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không có quyền biểu quyết và số phiếu biểu quyết ngang nhau, vấn đề sẽ không được thông qua.
3. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho Thành viên HĐQT khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

Điều 22. Biên bản họp và nghị quyết của HĐQT

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc Thành viên được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp (i) chủ tọa hoặc người ghi biên bản, hoặc (ii) cả chủ tọa và người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp, nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc (i) chủ tọa hoặc người ghi biên bản, hoặc (ii) cả chủ tọa và người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị
 4. Biên bản họp HĐQT phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trong trường hợp nội dung Biên bản họp có sự khác biệt giữa tiếng Việt và tiếng Anh thì tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.
 5. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 23. Trình báo cáo hàng năm

1. HĐQT phải báo cáo ĐHCĐ kết quả hoạt động theo điểm c khoản 2 Điều 14 của Điều lệ và phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT.
 - b. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT.
 - c. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của

thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

- d. Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT.
 - e. Đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty của Ban điều hành;
 - f. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán và các ủy ban khác thuộc HĐQT.
 - g. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác.
2. Báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, báo cáo kiểm toán được lưu giữ bằng hình thức thích hợp tại trụ sở chính của Công ty theo quy định pháp luật.

Điều 24. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của các thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.
- 3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.
- 4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Thường trực hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các Ban, Ủy ban, bộ phận/đơn vị hỗ trợ của của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
- 5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT hoặc các Ban, Ủy ban, bộ phận/đơn vị hỗ trợ của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.
- 6. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 25. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

- 1. Thành viên HĐQT Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan với Công ty, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của công ty mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

- b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của công ty mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;
2. Việc kê khai quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của đa số thành viên HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Mối quan hệ làm việc với cổ đông

1. HĐQT và các thành viên HĐQT cần thiết lập, duy trì và giữ vững mối quan hệ thường xuyên tốt đẹp đối với cổ đông của Công ty, thể hiện qua việc công bố các Báo cáo tài chính định kỳ của Công ty, bằng việc cung cấp thường xuyên những thông tin có thể cung cấp và đặc biệt là bằng việc đảm bảo hiệu quả hoạt động hàng năm của Công ty.
2. HĐQT cần đảm bảo tính minh bạch trong quản lý điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty, tính gương mẫu đi đầu trong việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ và luôn có thái độ trân trọng đối với cổ đông, kể cả đối với các cổ đông có số cổ phần khiêm tốn nhất.
3. Chủ tịch HĐQT và HĐQT cần xử lý kịp thời và minh bạch các kiến nghị của cổ đông, cần giải thích rõ ràng và kiên định về các chất vấn của cổ đông và tham gia giải quyết nhanh chóng các khiếu nại, kiến nghị của cổ đông (nếu có) cũng là phương pháp để duy trì và giữ vững mối quan hệ tốt đẹp giữa HĐQT và cổ đông.

Điều 27. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 28. Mối quan hệ với Tổng giám đốc và Ban điều hành

1. Với trách nhiệm là cơ quan quản trị Công ty, HĐQT có nhiệm vụ nghiên cứu thiết kế một cơ cấu tổ chức tinh gọn, bố trí nhân sự một cách hợp lý, có biện pháp theo dõi chỉ đạo và kiểm tra

giám sát thật khoa học, có quy chế đánh giá nhân sự định kỳ trong từng lĩnh vực công tác một cách rõ ràng, minh bạch.

2. HĐQT phải tổ chức họp thảo luận, trao đổi với TGD, Ban điều hành và phải thường xuyên đến làm việc với các ĐVTN (nếu có) để qua đó thực hiện chức năng lãnh đạo và kiểm tra giám sát của HĐQT, đồng thời lắng nghe và xử lý kịp thời các kiến nghị có liên quan đến chủ trương, cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền.
3. HĐQT phải kịp thời và công minh trong việc chỉ đạo xử lý các sai phạm trong quá trình hoạt động để qua đó duy trì và giữ vững kỷ cương, bảo vệ uy tín của Công ty trước khách hàng và cổ đông.
4. Trừ khi luật pháp quy định khác, HĐQT có thể phân quyền hoặc giao quyền cho Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Người điều hành khác, các Ủy ban thuộc HĐQT hoặc chủ thể khác thực hiện một hoặc một số trách nhiệm và quyền hạn thuộc thẩm quyền của mình. Việc phân quyền hoặc giao quyền phải vì lợi ích tốt nhất của Công ty, được thể hiện bằng nghị quyết, và xác định rõ ràng, cụ thể chủ thể, nội dung, thời hạn và điều kiện phân quyền hoặc giao quyền. Những chủ thể được HĐQT phân quyền hoặc giao quyền không được phân quyền hoặc giao quyền lại cho cá nhân, đơn vị khác, trừ khi được HĐQT chấp thuận.

Điều 29. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa HĐQT và Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ủy ban kiểm toán, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Điều 30. Mối quan hệ với tổ chức Công đoàn

1. HĐQT tạo điều kiện về tài chính và quỹ thời gian để Ban chấp hành Công đoàn cơ sở, công đoàn bộ phận có điều kiện làm tốt chức năng giáo dục, tập hợp, lãnh đạo quần chúng Công đoàn viên.
2. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của Công ty ký thoả ước lao động với Ban chấp hành Công đoàn, có cơ chế để đại diện Ban chấp hành Công đoàn cơ sở và bộ phận tham gia Hội đồng khen thưởng hàng năm, đồng thời cũng cần phải xây dựng cơ chế để Ban chấp hành Công đoàn cơ sở tham gia giám sát việc sử dụng hợp lý Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty.
3. HĐQT tạo điều kiện và cơ hội để lắng nghe tiếng nói của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở, đại diện cho ý chí và nguyện vọng chính đáng của đông đảo đoàn viên Công đoàn và nhân viên đang làm việc tại Công ty.

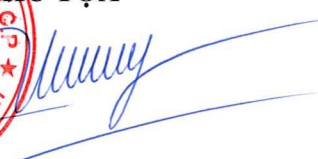
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Hiệu lực thi hành

1. Nếu có bất kỳ quy định nào trong Quy chế này mâu thuẫn với quy định của Điều lệ, quy định pháp luật thì quy định của Điều lệ, quy định pháp luật sẽ được ưu tiên áp dụng.

Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của HĐQT chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của HĐQT.

2. Quy chế này có hiệu lực từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua, được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. Quy chế này thay thế cho Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT đã ban hành trước đây (nếu có).
3. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ Quy chế này do HĐQT xem xét xây dựng và trình ĐHĐCĐ thông qua.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
CHỦ TỌA

ĐẶNG HUỲNH ÚC MY